

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh các báo cáo tài chính	11 - 33

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Quả

Ông Giáp Hữu An

Ông Trần Hòa Dũng

Bà Phạm Lê Hà

Chủ tịch

Phó chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Hòa Dũng

Tổng Giám đốc

Trụ sở

Công ty có văn phòng tại số 181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có một chi nhánh tại số 89 Cách Mạng Tháng Tám, phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Công ty có văn phòng đại diện:

Nhà thuốc số 8 đặt tại số 8 Thuận Kiều, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Nhà thuốc số 7 đặt tại số 32 Nam Ngãi, phường Tân Ngãi, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Nhà thuốc số 4 đặt tại số 69 Cách Mạng Tháng Tám, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Nhà thuốc số 1 đặt tại địa chỉ số 181 Tô Hiến Thành, phường 10, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế thành phố Hồ Chí Minh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế thành phố Hồ Chí Minh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302366480 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 08 tháng 02 năm 2012 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, với vốn điều lệ là 28 tỷ đồng.

Cho đến ngày kết thúc năm tài chính này, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Quê	Chủ tịch
Ông Cáp Hữu Ánh	Phó chủ tịch
Ông Trịnh Đào Cung	Thành viên
Bà Phạm Tố Hà	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Đào Cung	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại số 181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có một chi nhánh đặt tại số 69 Cách Mạng Tháng Tám, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Công ty có các hiệu thuốc sau:

- Hiệu thuốc số 6 đặt tại số 65 Thuận Kiều, phường 12, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiệu thuốc số 7 đặt tại số 90 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiệu thuốc số 4 đặt tại số 68 Cách Mạng Tháng Tám, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiệu thuốc số 1 đặt tại gian E3, số 134/1 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

4489
IG T
EM HỮU
00
NAM
HỒ CHÍ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4. Hoạt động chính

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu; xuất khẩu, nhập khẩu, bán buôn thuốc; kinh doanh xuất nhập khẩu trang thiết bị, vật tư y tế; bán lẻ thuốc; dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc; mua bán vắc-xin, sinh phẩm, hóa chất dùng trong phòng thí nghiệm và nghiên cứu khoa học; mua bán thiết bị ngành y tế; cho thuê kho bãi, văn phòng, mặt bằng; mua bán kính đeo mắt.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH BDO Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

15. CT
HẠN
HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

9. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Ông LÊ VĂN QUẾ

Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Phản của năm tài chính

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo Báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

BÀ TRUYỀN HÒA

Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ tại Công ty Cổ phần YTECO

CÔNG TY TNHH BDO VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2012

NGUYỄN TRUYỀN HÒA

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chức vụ tại Công ty Cổ phần YTECO



Tel.: +84 8 22200237
Fax: +84 8 22200265
www.bdo.vn

Ho Chi Minh City Head Office
Indochina Park Tower, 2/F
4 Nguyen Dinh Chieu Street
District 1, Ho Chi Minh City
Vietnam

Số: 00401.HCM/82.11

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 30 tháng 3 năm 2012 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 5 đến trang 33 kèm theo.

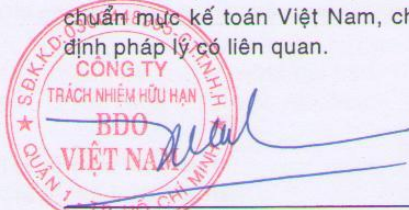
Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế thành phố Hồ Chí Minh, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



BÙI TUYẾT VÂN

Phó Tổng Giám Đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0071/KTV

CÔNG TY TNHH BDO VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2012

NGUYỄN THỦY HOA

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0423/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		545.849.911.359	447.038.055.310
Tiền và tương đương tiền	110	4.1	27.459.633.847	43.987.122.639
Tiền	111		24.459.633.847	36.987.122.639
Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	7.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		384.536.672.407	317.407.773.941
Phải thu khách hàng	131	4.2	343.642.622.567	279.126.887.131
Trả trước cho người bán	132	4.3	31.641.133.192	25.909.431.198
Các khoản phải thu khác	135	4.4	10.490.813.168	13.390.861.402
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	4.5	(1.237.896.520)	(1.019.405.790)
Hàng tồn kho	140	4.6	130.510.286.810	78.263.577.640
Hàng tồn kho	141		130.707.905.605	78.579.665.477
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(197.618.795)	(316.087.837)
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.343.318.295	7.379.581.090
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	61.322.430	86.133.525
Thuế GTGT được khấu trừ	152		504.147.458	185.758.861
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	4.8	-	234.749.930
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.9	2.777.848.407	6.872.938.774
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.057.866.153	11.619.490.560
Tài sản cố định	220		9.705.511.018	11.103.014.033
Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	7.446.149.406	8.624.145.025
Nguyên giá	222		17.171.683.001	17.065.786.329
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.725.533.595)	(8.441.641.304)
Tài sản cố định vô hình	227	4.11	1.367.387.690	1.586.895.086
Nguyên giá	228		2.941.828.300	2.941.828.300
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.574.440.610)	(1.354.933.214)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.12	891.973.922	891.973.922
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.326.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.13	1.326.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.026.355.135	516.476.527
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.14	120.845.011	422.476.527
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.15	793.510.124	-
Tài sản dài hạn khác	268	4.16	112.000.000	94.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		557.907.777.512	458.657.545.870

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

3044
ÔNG
NHÌEN
BD
STN
P. H

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		516.989.913.023	420.753.229.431
Nợ ngắn hạn	310		516.748.913.023	420.512.229.431
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.17	112.845.295.842	83.651.289.395
Phải trả người bán	312	4.18	337.281.883.337	228.305.520.563
Người mua trả tiền trước	313	4.19	50.307.428.405	92.014.661.517
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.20	6.156.288.777	4.572.530.022
Chi phí phải trả	316	4.21	2.955.549.764	2.460.146.300
Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.22	7.682.984.494	8.082.474.935
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.23	(480.517.596)	1.425.606.699
Nợ dài hạn	330		241.000.000	241.000.000
Phải trả dài hạn khác	333	4.24	241.000.000	241.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40.917.864.489	37.904.316.439
Vốn chủ sở hữu	410	4.25	40.917.864.489	37.904.316.439
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		28.000.000.000	28.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(2.072.193.691)	168.375.780
Quỹ đầu tư phát triển	417		6.116.793.854	6.116.793.854
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.305.445.477	2.305.445.477
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.567.818.849	1.313.701.328
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		557.907.777.512	458.657.545.870

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	01	17.293.920	17.293.920
2. Ngoại tệ các loại			
USD	11	248.255,47	30.094,52
EUR	28	15.626,96	36.402,77
<hr/>			
TRỊNH ĐÀO CUNG			
Tổng Giám đốc			
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2012			
<hr/>			
NGUYỄN HẢI HÀ			
Kế toán trưởng			



(Handwritten signature in blue ink)



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

<u>CHỈ TIÊU</u>	<u>Mã số</u>	<u>Thuyết minh</u>	<u>Năm 2011 VND</u>	<u>Năm 2010 VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	378.925.558.131	355.269.781.605
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	2.107.704.274	4.150.576.493
Doanh thu thuần	10		376.817.853.857	351.119.205.112
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	5.3	335.441.955.643	318.978.926.536
Lợi nhuận gộp	20		41.375.898.214	32.140.278.576
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	36.182.778.402	32.655.647.789
Chi phí tài chính	22	5.5	40.796.208.108	35.315.563.852
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>9.082.837.012</i>	<i>5.631.375.807</i>
Chi phí bán hàng	24	5.6	14.516.933.229	13.044.786.116
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.7	13.168.212.802	8.592.443.999
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		9.077.322.477	7.843.132.398
Thu nhập khác	31	5.8	1.631.617.693	1.345.281.456
Chi phí khác	32		107.158.513	12.326.434
Lợi nhuận khác	40		1.524.459.180	1.332.955.022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.601.781.657	9.176.087.420
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	3.409.743.579	2.326.078.874
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.10	(793.510.124)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		7.985.548.202	6.850.008.546
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.12	2.852	2.446



TRỊNH ĐÀO CUNG
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2012

NGUYỄN HẢI HÀ
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

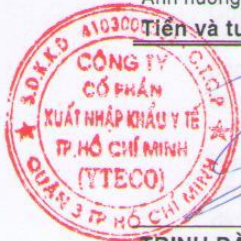
<u>CHỈ TIÊU</u>	<u>Mã số</u>	<u>Năm 2011 VND</u>	<u>Năm 2010 VND</u>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	10.601.781.657	9.176.087.420
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.530.460.287	1.557.566.983
Các khoản dự phòng / (hoàn nhập)	03	100.021.688	(462.563.458)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(713.528.441)	(1.497.029.555)
Chi phí lãi vay	06	9.082.837.012	5.631.375.807
Lợi nhuận KD trước thay đổi vốn lưu động	08	20.601.572.203	14.405.437.197
Tăng các khoản phải thu	09	(63.064.623.204)	(74.030.043.565)
(Tăng) / giảm hàng tồn kho	10	(52.128.240.128)	12.510.325.083
Tăng các khoản phải trả	11	65.622.260.195	47.998.188.769
Giảm / (tăng) chi phí trả trước	12	326.442.611	(99.076.702)
Tiền lãi vay đã trả	13	(9.082.837.012)	(5.631.375.807)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.333.485.137)	(1.812.938.030)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	2.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.135.554.976)	(1.040.797.892)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(42.194.465.448)	(7.698.280.947)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và TSDH khác	21	(132.957.272)	(2.176.674.479)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ, TSDH khác	22	5.740.000	2.200.000
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	12.225.000.000
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.326.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	707.788.441	1.496.632.235
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(745.428.831)	11.547.157.756
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	240.779.721.080	240.631.412.188
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(211.857.028.925)	(219.424.147.679)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.520.000.000)	(6.223.330.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	26.402.692.155	14.983.934.509

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(16.537.202.124)	18.832.811.318
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	43.987.122.639	25.289.406.924
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	9.713.332	(135.095.603)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	27.459.633.847	43.987.122.639



TRỊNH ĐÀO CUNG
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2012

NGUYỄN HẢI HÀ
Kế toán trưởng

Công ty có chi nhánh đại lý tại số 68 Cách Mạng Tháng Tám, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Công ty có các Nộp thuế sau:

Hiệu thuế số 6 đặt tại số 85 Thuận Kiển, phường 12, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh,

Hiệu thuế số 7 đặt tại số 90 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh,

Hiệu thuế số 4 đặt tại số 65 Cách Mạng Tháng Tám, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh,

Hiệu thuế số 1 đặt tại gian 29, số 134/1 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, tổng số nhân viên của Công ty là 141 người, trong đó số nhân viên quản lý là 10 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số nhân viên là 132, trong đó nhân viên quản lý là 10 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) và được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

3004
CÔNG
NHIỆM
BĐC
T N
? HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế thành phố Hồ Chí Minh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302366480 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 08 tháng 02 năm 2012 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu; xuất khẩu, nhập khẩu, bán buôn thuốc; kinh doanh xuất nhập khẩu trang thiết bị, vật tư y tế; bán lẻ thuốc; dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc; mua bán vắc-xin, sinh phẩm, hóa chất dùng trong phòng thí nghiệm và nghiên cứu khoa học; mua bán thiết bị ngành y tế; cho thuê kho bãi, văn phòng, mặt bằng; mua bán kính đeo mắt.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có chi nhánh đặt tại số 69 Cách Mạng Tháng Tám, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Công ty có các hiệu thuốc sau:

- Hiệu thuốc số 6 đặt tại số 65 Thuận Kiều, phường 12, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiệu thuốc số 7 đặt tại số 90 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiệu thuốc số 4 đặt tại số 68 Cách Mạng Tháng Tám, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiệu thuốc số 1 đặt tại gian E3, số 134/1 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, tổng số nhân viên của Công ty là 141 người, trong đó số nhân viên quản lý là 10 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số nhân viên là 132, trong đó, nhân viên quản lý là 10 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) và được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

4899
CÔNG TY
HỮU H
HỒ CHÍ M
HỒ CHÍ M

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo tài chính được lập theo các nguyên tắc kế toán và luật định của Việt Nam có thể có một số khác biệt ở một số phương diện trọng yếu so với các Chuẩn mực kế toán Quốc tế cũng như các Nguyên tắc kế toán được thừa nhận rộng rãi ở quốc gia của người đọc báo cáo. Do đó, Báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các khu vực nằm ngoài phạm vi Việt Nam.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Sử dụng các ước tính kế toán

Việc soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đòi hỏi Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho niên độ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

2.3 Hình thức số kế toán áp dụng: nhật ký chung

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba (03) tháng, có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó, tại thời điểm báo cáo.

3.2 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài Đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế vào thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc đồng tiền khác với Đồng Việt Nam vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Công ty ghi nhận chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền mặt, tiền gửi và các khoản nợ ngắn hạn (một năm trở xuống) trên số dư của Bảng cân đối kế toán theo thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009.

3.3 Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Mức trích lập dự phòng như sau:

- 50% giá trị đối với hàng hóa có hạn sử dụng trên 6 tháng và dưới 12 tháng;
- 100% giá trị đối với hàng hóa có hạn sử dụng dưới 6 tháng, hàng hóa quá hạn sử dụng và hàng hòa chờ thanh lý hoặc kém phẩm chất.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
TSCĐ khác	3 - 10 năm

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá TSCĐ vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	25 năm
Phần mềm máy vi tính	3 - 8 năm

3.7 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.8 Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể, thường nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con ít nhất 20% (hai mươi phần trăm) quyền biểu quyết.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

3.9 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước được xác định theo giá trị ban đầu trừ (-) đi giá trị đã phân bổ lũy kế.

Việc phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí, trong đó:

Công cụ dụng cụ	1 - 2 năm
Chi phí cải tạo	1 - 2 năm
Phí đăng ký sử dụng quấy Hiệu thuốc số 1	5 năm
Khác	2 năm

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

3.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị ước tính các khoản chi phí đã phát sinh và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là khoản tiền hoặc tài sản do các cổ đông góp cổ phần tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành.

Chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền mặt, tiền gửi và các khoản nợ ngắn hạn (một năm trở xuống) được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối thể hiện kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

3.13 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

14486
CÔNG TY
CỔ PHẦN
Y TẾ
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

3.14 Chi phí tài chính

Bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

3.15 Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Các mặt hàng thuốc và dịch vụ do Công ty kinh doanh chịu thuế suất 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Công ty áp dụng mức thuế suất 25% (hai mươi lăm phần trăm).

Chi phí thuế TNDN

Chi phí thuế TNDN bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế giai đoạn hiện hành và thuế suất thuế TNDN hiện hành; và các điều chỉnh thuế TNDN của các giai đoạn trước vào thuế thu nhập giai đoạn hiện hành. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính, cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế TNDN sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.16 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty và người lao động đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương cơ bản theo hợp đồng lao động với các tỷ lệ như sau:

	Bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm y tế	Bảo hiểm thất nghiệp	Cộng
Công ty	16,0%	3,0%	1,0%	20,0%
Người lao động	6,0%	1,5%	1,0%	8,5%
Cộng	22,0%	4,5%	2,0%	28,5%

3.17 Chia cổ tức

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
<i>Tiền</i>		
Tiền mặt - VND	305.486.828	464.403.323
Tiền gửi ngân hàng	(i) 24.154.147.019	36.522.719.316
	24.459.633.847	36.987.122.639
<i>Các khoản tương đương tiền</i>		
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng - VND	3.000.000.000	7.000.000.000
	3.000.000.000	7.000.000.000

Toàn bộ tài khoản và quyền, quyền sở hữu và lợi ích của Công ty trong tài khoản ngân hàng và mọi số dư trong đó được cầm cố đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem chi tiết ở thuyết minh 4.17)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

(i) Số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

	Ngoại tệ		VND
VND			18.557.694.311
USD	248.255,47	#	5.170.664.929
EUR	15.626,96	#	425.787.779
			24.154.147.019

4.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2011	01/01/2011
	(VND)	(VND)
Phải thu tiền hàng tự doanh	69.720.547.703	83.441.076.448
Phải thu tiền hàng ủy thác nhập khẩu	273.922.074.864	195.685.810.683
	343.642.622.567	279.126.887.131

Khoản phải thu được cầm cố đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 2 và tại Ngân hàng TNHH Quân Đội (xem chi tiết ở thuyết minh 4.17).

4.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2011	01/01/2011
	(VND)	(VND)
Bên thứ ba		
Ứng trước tiền mua hàng hóa tự doanh	19.263.677.435	12.927.071.408
Ứng trước tiền mua hàng hóa ủy thác	12.377.455.757	12.982.359.790
	31.641.133.192	25.909.431.198

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	(VND)	(VND)
Bảo hiểm xã hội	345.828.410	206.512.213
Phải thu lãi vay hỗ trợ khách hàng ủy thác	3.044.845.161	5.687.004.184
Phải thu khoản chi hộ chi phí hủy hàng	1.683.068.289	2.938.556.966
Phải thu chênh lệch tỷ giá thực hiện của các khoản thanh toán hàng ủy thác	2.553.203.314	489.375.000
Chi phí chưa được duyệt của CN Cần Thơ	1.536.035.315	-
Chi phí chưa được duyệt của CN Hà Nội	28.481.684	-
Chi phí chưa được duyệt của CN Đà Nẵng	8.046.885	-
Bà Kim Tú Quỳnh / tiền hàng CN Hậu Giang	167.856.747	-
Ông Thái Minh Dương / tiền hàng CN Cần Thơ	52.979.935	-
Cổ tức của Salenoptic	136.847.834	-
Công ty vận tải An Lộc / bồi thường thiệt hại tiền hàng của Công ty dược Yên Bái	21.580.944	-
Bà Vũ Thị Ly / tiền mặt của CN Hà Nội	10.086.098	-
Phải thu khác	901.952.552	4.069.413.039
	10.490.813.168	13.390.861.402

4.5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2011	Năm 2010
	(VND)	(VND)
Số dư đầu năm	1.019.405.790	1.016.792.372
Dự phòng trong năm	218.490.730	2.613.418
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Xử lý công nợ	-	-
Số dư cuối năm	1.237.896.520	1.019.405.790

4.6 Hàng tồn kho

	31/12/2011	01/01/2011
	(VND)	(VND)
Hàng mua đang đi đường	45.998.666.843	41.700.209
Hàng hóa	84.588.776.802	78.537.965.268
Hàng gửi đi bán	120.461.960	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	130.707.905.605	78.579.665.477
Trừ:-		
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(i) (197.618.795)	(316.087.837)
Hàng tồn kho	130.510.286.810	78.263.577.640

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

(i) <i>Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho:</i>	Năm 2011	Năm 2010
	(VND)	(VND)
Số dư đầu năm	316.087.837	781.264.713
Dự phòng trong năm	-	-
Hoàn nhập dự phòng	(118.469.042)	(465.176.876)
Số dư cuối năm	<u>197.618.795</u>	<u>316.087.837</u>

Hàng tồn kho là dược phẩm, dược liệu, hóa chất, y dụng cụ các loại được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (xem chi tiết ở thuyết minh 4.17).

4.7 Chi phí trả trước ngắn hạn

	01/01/2011	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí sản xuất, kinh doanh	31/12/2011
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
Đồng phục	86.133.525	24.545.455	(110.678.980)	-
Bảo hiểm xe và tài sản	-	105.124.166	(43.801.736)	61.322.430
	<u>86.133.525</u>	<u>129.669.621</u>	<u>(154.480.716)</u>	<u>61.322.430</u>

4.8 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
	(VND)	(VND)
Thuế giá trị gia tăng	-	187.783.809
Thuế khác	-	46.966.121
	<u>-</u>	<u>234.749.930</u>

4.9 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	(VND)	(VND)
Tạm ứng	1.363.974.831	894.938.490
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.413.873.576	5.978.000.284
	<u>2.777.848.407</u>	<u>6.872.938.774</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.10 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	TSCĐ khác (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2011	9.749.628.546	338.321.331	3.944.089.225	2.364.515.227	669.232.000	17.065.786.329
Mua trong năm	46.322.600	-	-	86.634.672	-	132.957.272
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(27.060.600)	-	(27.060.600)
31/12/2011	9.795.951.146	338.321.331	3.944.089.225	2.424.089.299	669.232.000	17.171.683.001
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2011	4.614.961.927	139.053.702	2.225.780.925	1.232.056.094	229.788.656	8.441.641.304
Chi phí khấu hao	584.478.026	53.272.724	291.836.274	310.894.937	70.470.930	1.310.952.891
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(27.060.600)	-	(27.060.600)
31/12/2011	5.199.439.953	192.326.426	2.517.617.199	1.515.890.431	300.259.586	9.725.533.595
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2011	5.134.666.619	199.267.629	1.718.308.300	1.132.459.133	439.443.344	8.624.145.025
31/12/2011	4.596.511.193	145.994.905	1.426.472.026	908.198.868	368.972.414	7.446.149.406

Trong đó:

Giá trị còn lại của tài sản thế chấp, cầm cố

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết vẫn đang sử dụng

1.174.931.353

-

-

1.174.931.353

1.396.122.381

757.571.135

103.292.000

2.590.799.516

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.11 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (VND)	Phần mềm máy tính (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2011	1.633.223.600	1.308.604.700	2.941.828.300
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
31/12/2011	1.633.223.600	1.308.604.700	2.941.828.300
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2011	1.125.032.626	229.900.588	1.354.933.214
Khấu hao trong năm	65.406.808	154.100.588	219.507.396
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
31/12/2011	1.190.439.434	384.001.176	1.574.440.610
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2011	508.190.974	1.078.704.112	1.586.895.086
31/12/2011	442.784.166	924.603.524	1.367.387.690

4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Kho Thủ Đức	445.341.362	445.341.362
Nhà 76 Trưng Nguyệt Ánh	446.632.560	446.632.560
	891.973.922	891.973.922

4.13 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Đầu tư vào công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn Leningrad (SALENOPTIC)	(i) 1.326.000.000	-
	1.326.000.000	-

- (i) Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn Leningrad (SALENOPTIC) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310464650 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 05 tháng 4 năm 2011 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh với vốn điều lệ là 6,63 tỷ đồng. Trong đó, Công ty nắm giữ 132.600 cổ phiếu, tương đương 20% quyền biểu quyết. Hoạt động chính của SALENOPTIC là sản xuất, gia công, lắp ráp các loại kính đeo mắt; cung ứng sỉ và lẻ các loại gọng kính, tròng kính, kính mát, kính tiếp xúc mềm, các sản phẩm liên quan đến kính đeo mắt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.14 Chi phí trả trước dài hạn

	01/01/2011 (VND)	Tăng trong kỳ (VND)	Kết chuyển vào chi phí sản xuất, kinh doanh (VND)	31/12/2011 (VND)
Công cụ dụng cụ	49.556.989	14.648.635	(42.256.345)	21.949.279
Chi phí cải tạo	82.122.261	8.550.000	(77.470.599)	13.201.662
Phí đăng ký sử dụng quầy Hiệu thuốc số 1	76.562.099	-	(76.562.099)	-
Khác	214.235.178	-	(128.541.108)	85.694.070
	422.476.527	23.198.635	(324.830.151)	120.845.011

4.15 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
Chi phí trích trước	738.887.441	-
Dự phòng phải thu khó đòi	54.622.683	-
	793.510.124	-

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Số dư đầu năm	-	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	793.510.124	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Số dư cuối năm	793.510.124	-

4.16 Tài sản dài hạn khác

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Tiền đặt cọc thuê văn phòng	112.000.000	94.000.000
	112.000.000	94.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.17 Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2011		01/01/2011		Lãi suất	Tài sản đảm bảo
	Nguyên tệ	(VND)	Nguyên tệ	(VND)		
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam						
USD	304.298,79	6.337.935.198	495.395,30	9.378.823.820	10,5%/năm	Hàng tồn kho luân chuyển là được phẩm, được liệu, hóa chất, y dụng cụ các loại.
VND	-	-	473.606.250	473.606.250	24,5%/năm	
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - CN Sài Gòn						
EUR	-	-	73.501,78	1.986.370.169	6%/năm	Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh của Công ty tại Ngân hàng này và tại các Tổ chức tín dụng khác.
USD	426.000,00	8.872.728.000	844.535,77	15.988.751.198	6%/năm	
VND	3.090.940.300		8.929.781.846	8.929.781.846	15%/năm	
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - Sở giao dịch 2						
EUR	56.309,16	1.534.255.683	107.795,17	2.913.141.832	7,5%/năm	Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh của Công ty tại Ngân hàng này và tại các Tổ chức tín dụng khác; các khoản thu theo Hợp đồng kinh tế mà Công ty là người thụ hưởng; phương tiện vận tải có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2011 là 1.174.931.353 đồng. Ngoài ra, Công ty còn được Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn bảo lãnh vay.
USD	26.700,00	556.107.600	774.553,90	14.663.854.435	7,5%/năm	
Ngân hàng TMCP Quân Đội						
EUR	191.626,00	5.221.233.622	166.211,00	4.491.817.371	7,5%/năm	Các khoản phải thu luân chuyển thường xuyên của Công ty.
USD	536.404,00	11.172.222.512	153.496,00	2.905.986.272	8%/năm	
VND		20.471.283.025	-	-	21%/năm	
Ngân hàng TMCP Phương Tây						
USD	-	-	45.896,40	868.910.645		
VND	-	-	6.770.421.398	6.770.421.398		
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam						
EUR	222.383,27	6.059.276.958	478.550,82	12.932.735.415	6,5%/năm	Tin chấp
USD	2.195.615,05	45.730.270.261	29.952,00	567.051.264	8,1%/năm	
VND		3.799.042.683	780.037.480	780.037.480	22%/năm	
		112.845.295.842		83.651.289.395		

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.18 Phải trả người bán	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Bên thứ ba		
Phải trả tiền hàng tự doanh	129.387.948.416	79.230.805.816
Phải trả tiền hàng ủy thác nhập khẩu	207.893.934.921	149.074.714.747
	<u>337.281.883.337</u>	<u>228.305.520.563</u>
4.19 Người mua trả tiền trước	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Bên thứ ba		
Ứng trước tiền mua hàng hóa	21.231.264.244	53.647.185.936
Ứng trước tiền hàng ủy thác nhập khẩu	29.076.164.161	38.367.475.581
	<u>50.307.428.405</u>	<u>92.014.661.517</u>
4.20 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	3.620.236.536	2.309.348.132
Thuế xuất nhập khẩu	619.770.077	750.881.047
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.834.364.292	1.491.903.939
Các loại thuế khác	81.917.872	20.396.904
	<u>6.156.288.777</u>	<u>4.572.530.022</u>
4.21 Chi phí phải trả	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Chi phí hoa hồng	186.463.990	515.290.000
Tiền thưởng	-	491.975.900
Điện, nước, điện thoại	106.531.180	60.665.848
Phí marketing	1.000.000.000	-
Chi phí chờ duyệt chi của CN Cần Thơ	1.536.035.315	1.392.214.552
Chi phí chờ duyệt chi của CN Hà Nội	28.481.684	-
Chi phí chờ duyệt chi của CN Đà Nẵng	8.037.595	-
Khác	90.000.000	-
	<u>2.955.549.764</u>	<u>2.460.146.300</u>

030
CÔ
RÁCH N
B
VIỆT
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.22 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.492.920	1.492.920
Kinh phí công đoàn	493.044	36.322.590
Bảo hiểm y tế	323.926.653	186.880.985
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.588.577.390	4.976.334.797
Cổ tức	498.934.000	2.521.260.000
Hiệu thuốc số 1	1.070.000.000	-
Hiệu thuốc số 4	30.036.184	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.169.524.303	360.183.643
	7.682.984.494	8.082.474.935

4.23 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Quỹ khen thưởng (VND)	Cộng (VND)
01/01/2011	1.425.606.699	1.425.606.699
Chi khen thưởng	(1.906.124.295)	(1.906.124.295)
31/12/2011	(480.517.596)	(480.517.596)

4.24 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	241.000.000	241.000.000
	241.000.000	241.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.25 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH (VND)	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (VND)	Quý đầu tư phát triển (VND)	Quý dự phòng tài chính (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
01/01/2010	28.000.000.000	303.471.383	5.637.293.256	1.962.945.050	967.196.285	36.870.905.974
Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trước	-	-	-	-	6.850.008.546	6.850.008.546
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(274.000.342)	(274.000.342)
Quý đầu tư phát triển	-	-	479.500.598	-	(479.500.598)	-
Quý dự phòng tài chính	-	-	-	342.500.427	(342.500.427)	-
Quý khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.487.502.136)	(1.487.502.136)
Cổ tức	-	-	-	-	(3.920.000.000)	(3.920.000.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	(135.095.603)	-	-	-	(135.095.603)
01/01/2011	28.000.000.000	168.375.780	6.116.793.854	2.305.445.477	1.313.701.328	37.904.316.439
Kết quả hoạt động kinh doanh năm hiện hành	-	-	-	-	7.985.548.202	7.985.548.202
Tặng khác	-	-	-	-	930.663	930.663
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	(212.361.344)	(212.361.344)
Cổ tức	-	-	-	-	(2.520.000.000)	(2.520.000.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	(2.240.569.471)	-	-	-	(2.240.569.471)
31/12/2011	28.000.000.000	(2.072.193.691)	6.116.793.854	2.305.445.477	6.567.818.849	40.917.864.489



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	8.120.000.000	8.120.000.000
Nhân viên Công ty	1.050.500.000	2.064.000.000
Cá nhân trong nước	18.829.500.000	17.816.000.000
	28.000.000.000	28.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
Vốn góp đầu năm	28.000.000.000	28.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	28.000.000.000	28.000.000.000

Cổ tức

Công ty đã công bố cổ tức của niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 15% (1.500 đồng/cổ phiếu). Trong năm 2011, Công ty đã chi tạm ứng cổ tức của năm 2011 là 8% (2.240.000.000 đồng).

Cổ tức cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ được đề xuất trong Đại hội cổ đông của Công ty tổ chức trong năm 2012.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Doanh thu bán hàng hóa	368.112.003.618	344.613.423.029
Doanh thu phí ủy thác	8.125.917.714	8.650.024.430
Doanh thu khác	2.687.636.799	2.006.334.146
	378.925.558.131	355.269.781.605

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Doanh thu theo khu vực địa lý	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Thành phố Hồ Chí Minh	364.016.623.782	324.316.668.330
Hà Nội	-	328.921.854
Đà Nẵng	-	67.608.037
Cần Thơ	14.908.934.349	30.250.382.306
Bình Định	-	16.225.360
Hậu Giang	-	289.975.718
	378.925.558.131	355.269.781.605
5.2 Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Hàng bán bị trả lại	2.107.704.274	4.150.576.493
	2.107.704.274	4.150.576.493
5.3 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Giá vốn của hàng hóa đã bán	335.560.424.685	319.444.103.412
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(118.469.042)	(465.176.876)
	335.441.955.643	318.978.926.536
Giá vốn hàng bán theo khu vực địa lý	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Thành phố Hồ Chí Minh	321.221.846.103	288.609.671.874
Hà Nội	-	331.161.403
Đà Nẵng	-	79.839.037
Cần Thơ	13.704.183.458	28.902.975.955
Bình Định	-	315.616.111
Hậu Giang	515.926.082	739.662.156
	335.441.955.643	318.978.926.536
5.4 Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	570.940.607	1.496.632.235
Cổ tức, lợi nhuận được chia	136.847.834	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.466.716.063	24.552.653.246
Lãi bán hàng trả chậm	4.008.273.898	6.606.362.308
	36.182.778.402	32.655.647.789



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.5 Chi phí tài chính

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Lãi tiền vay	9.082.837.012	5.631.375.807
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.700.446.737	29.684.188.045
Chi phí tài chính khác	12.924.359	-
	<u>40.796.208.108</u>	<u>35.315.563.852</u>

5.6 Chi phí bán hàng

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Chi phí nhân viên	7.180.189.522	5.932.743.310
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.006.809.744	1.097.533.177
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.556.541.997	2.258.273.797
Chi phí khác bằng tiền	3.773.391.966	3.756.235.832
	<u>14.516.933.229</u>	<u>13.044.786.116</u>

5.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	4.015.883.602	3.285.146.187
Chi phí khấu hao TSCĐ	624.189.086	708.635.125
Chi phí dự phòng	218.490.730	2.613.418
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.601.554.272	2.441.930.786
Chi phí khác bằng tiền	2.708.095.112	2.154.118.483
	<u>13.168.212.802</u>	<u>8.592.443.999</u>

5.8 Thu nhập khác

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản	5.740.000	2.180.000
Thu từ thanh lý hàng hóa	516.856.744	695.664.602
Thu phí lưu kho	160.306.106	58.190.761
Thu phí kiểm nghiệm	129.045.500	110.250.000
Thu phí vận chuyển	66.100.000	57.099.000
Thu nhập khác	753.569.343	421.897.093
	<u>1.631.617.693</u>	<u>1.345.281.456</u>

5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế giai đoạn hiện hành (i)	3.409.743.579	2.326.078.874
	<u>3.409.743.579</u>	<u>2.326.078.874</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

(i)	Chi phí thuế TNDN ước tính trên thu nhập chịu thuế giai đoạn hiện hành	
	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
	10.601.781.657	9.176.087.420
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		128.228.075
<i>Điều chỉnh chi phí không được trừ</i>		
Chi phí trích trước chưa thực chi	2.955.549.764	-
Dự phòng phải thu khó đòi	218.490.730	-
<i>Điều chỉnh thu nhập không chịu thuế</i>		
Cơ tức nhận được, lợi nhuận được chia	(136.847.834)	-
Lợi nhuận tính thuế TNDN	13.638.974.317	9.304.315.495
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế TNDN	3.409.743.579	2.326.078.874
5.10	Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại	
	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(793.510.124)	-
	(793.510.124)	-
5.11	Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	
	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	335.441.955.643	318.978.926.536
Chi phí nhân công	11.196.073.124	9.217.889.497
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.630.998.830	1.806.168.302
Chi phí dự phòng	218.490.730	2.613.418
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.158.096.269	4.700.204.583
Chi phí khác bằng tiền	6.481.487.078	5.910.354.315
	363.127.101.674	340.616.156.651

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

		Năm 2011	Năm 2010
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(VND)	7.985.548.202	6.850.008.546
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	(VND)	-	-
		<u>7.985.548.202</u>	<u>6.850.008.546</u>
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	(Cổ phiếu)	2.800.000	2.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(VND/cổ phiếu)	<u>2.852</u>	<u>2.446</u>

6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin về các bên liên quan

- (i) Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, các bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Các bên liên quan	Địa điểm /	
	Quốc tịch*	Quan hệ
Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn Leningrad	Việt Nam	Công ty liên kết
Ban Tổng Giám đốc	Việt Nam*	Thành viên chủ chốt

- (ii) Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2011	Năm 2010
		(VND)	(VND)
Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn Leningrad	Góp vốn	1.326.000.000	-
	Cổ tức	136.847.834	-
Ban Tổng Giám đốc	Thu nhập	352.650.692	303.327.117

- (iii) Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Nội dung giao dịch	31/12/2011	01/01/2011
		(VND)	(VND)
Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn Leningrad	Vốn góp	1.326.000.000	-
	Phải thu khác	136.847.834	-

395-C
Y
HẠN
T
I MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

6.2 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs). Một vài chỉ tiêu được trình bày lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện hành nhằm mục đích so sánh.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Năm 2010 (VND)		Năm 2010 (VND)
		(Báo cáo năm trước)	Phân loại lại	(Trình bày lại)
Chi phí tài chính	22	29.794.025.506	5.521.538.346	35.315.563.852
Chi phí bán hàng	24	18.654.244.481	(5.609.458.365)	13.044.786.116
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	8.504.523.980	87.920.019	8.592.443.999



TRỊNH ĐÀO CUNG
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2012

NGUYỄN HẢI HÀ
Kế toán trưởng

